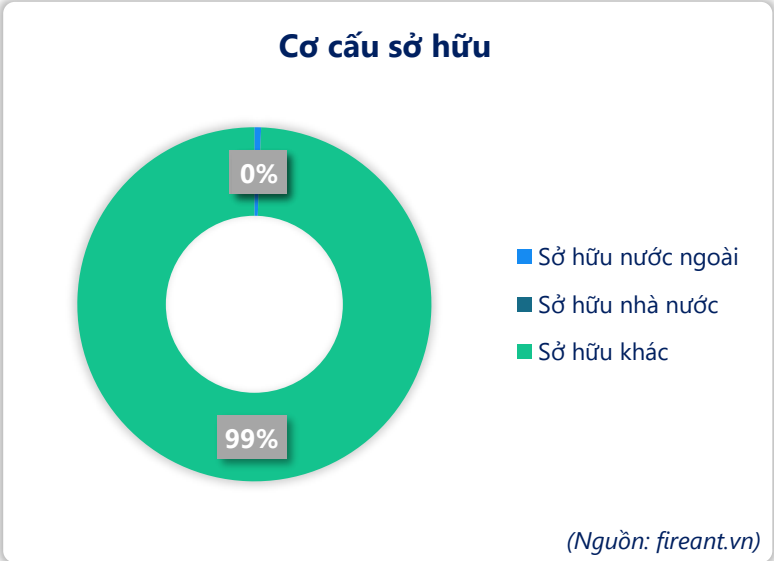
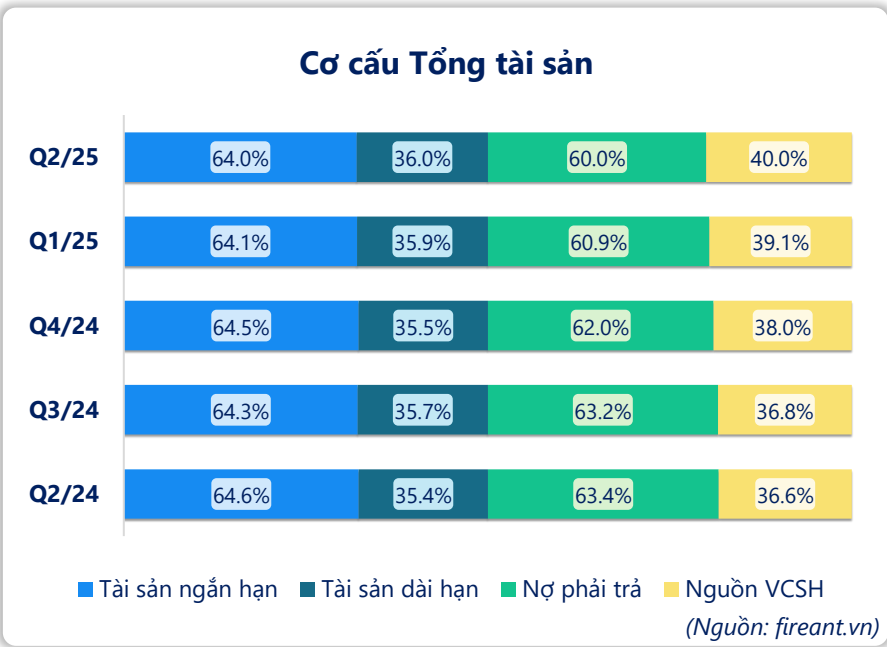
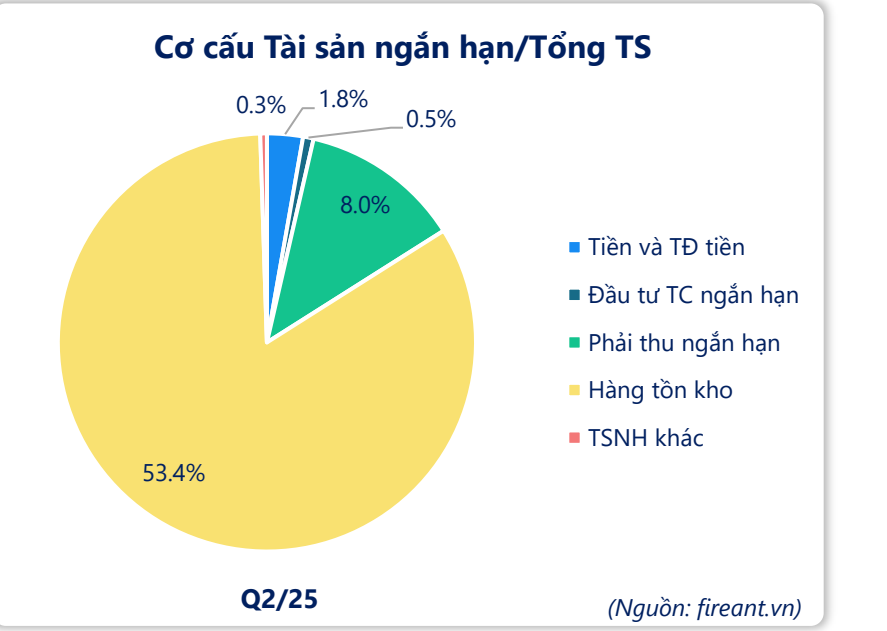
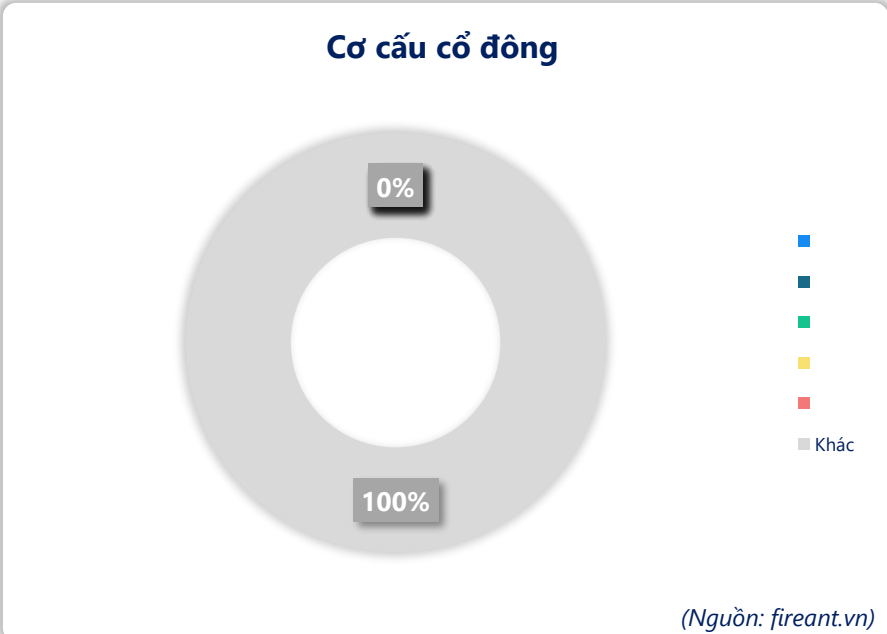
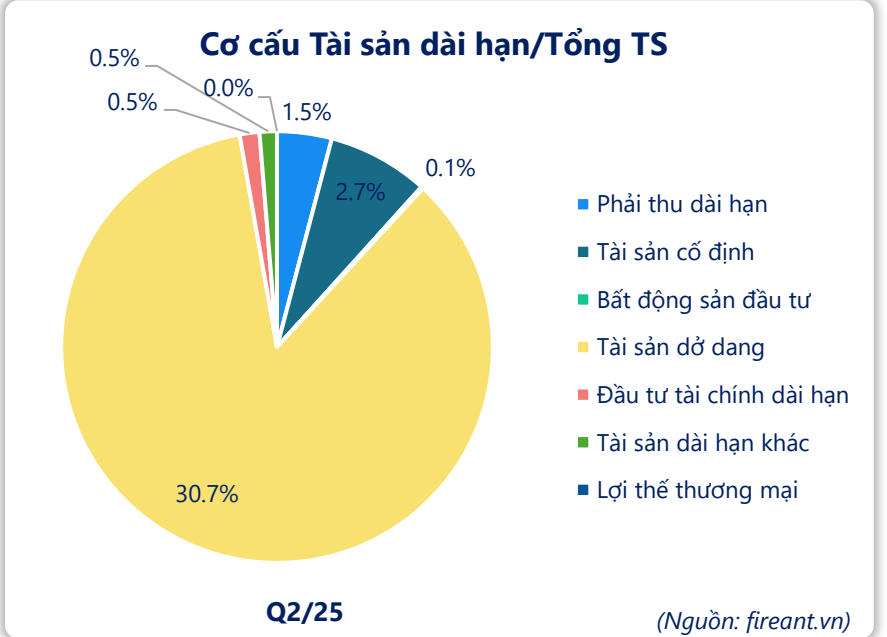
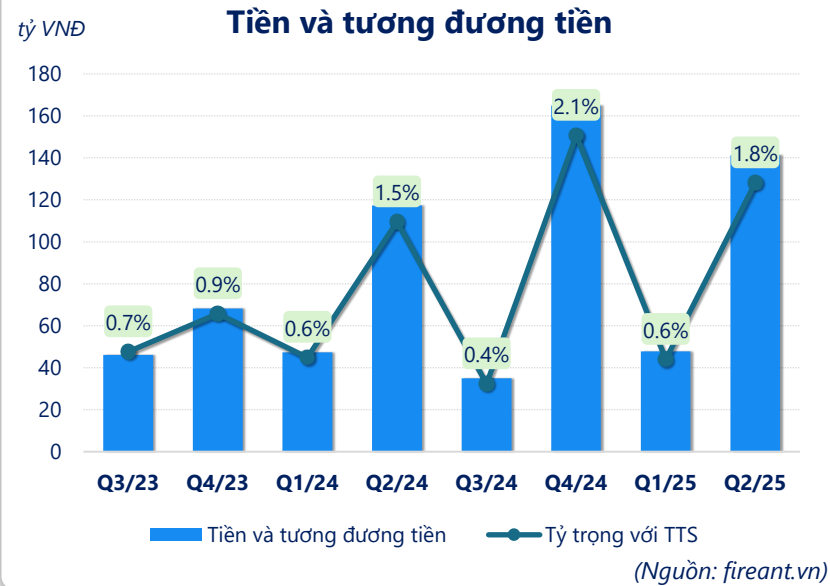
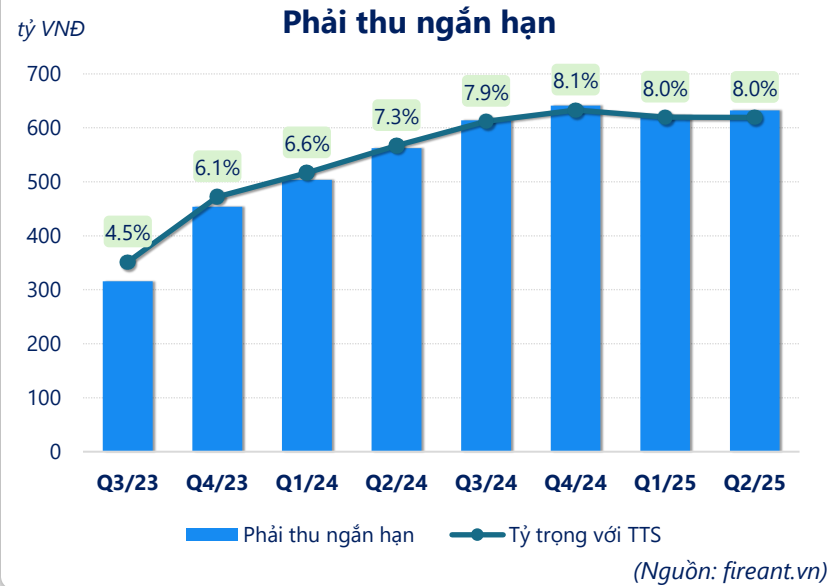
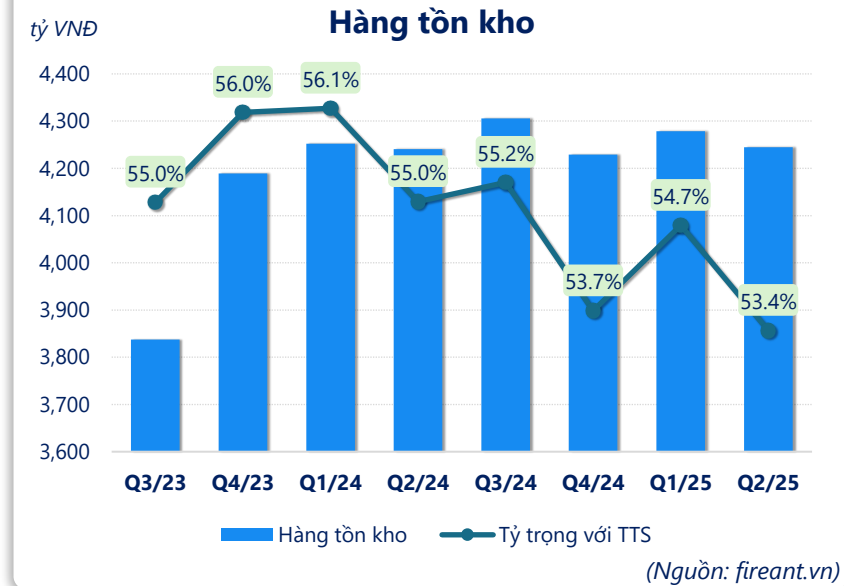
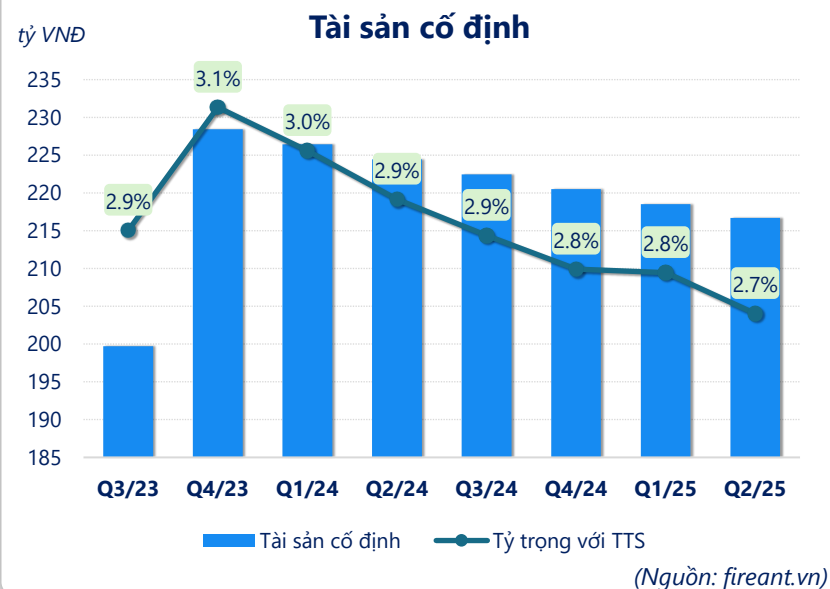
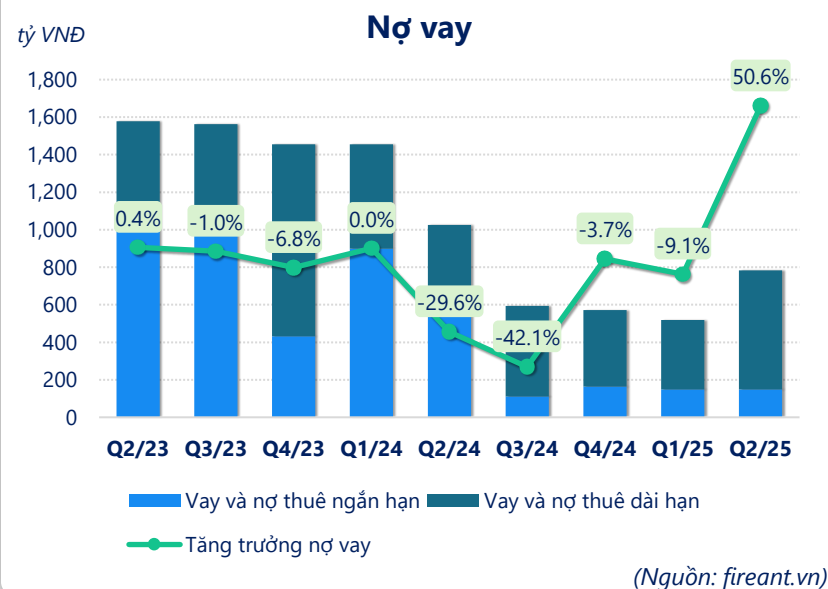
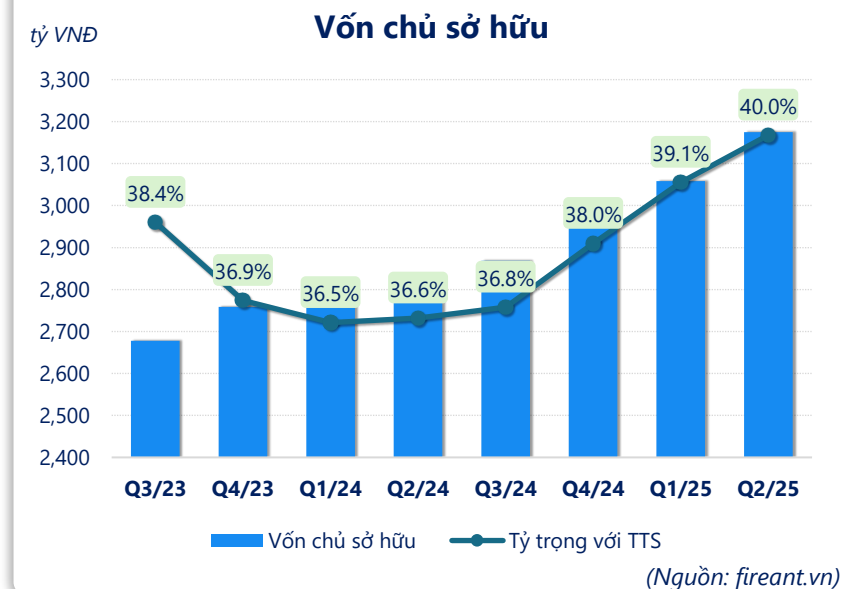
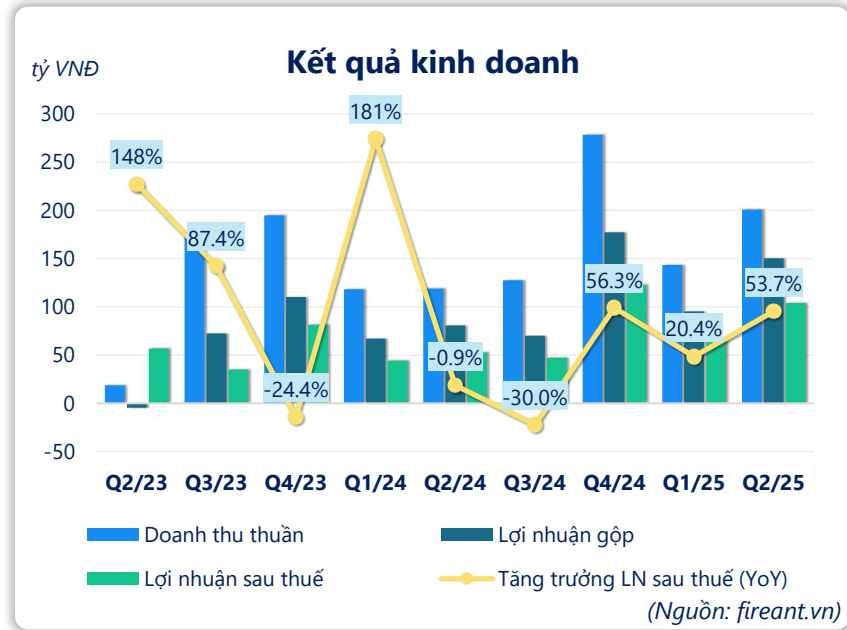
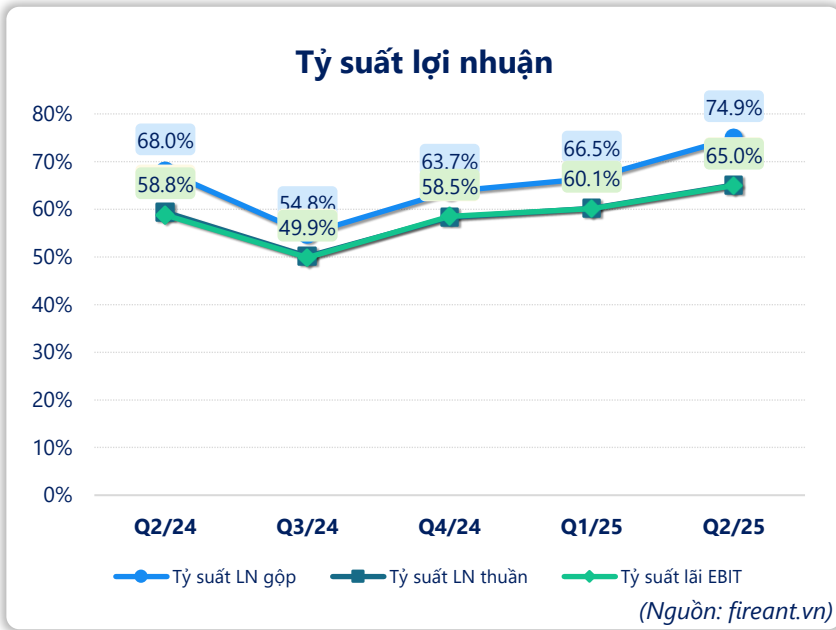
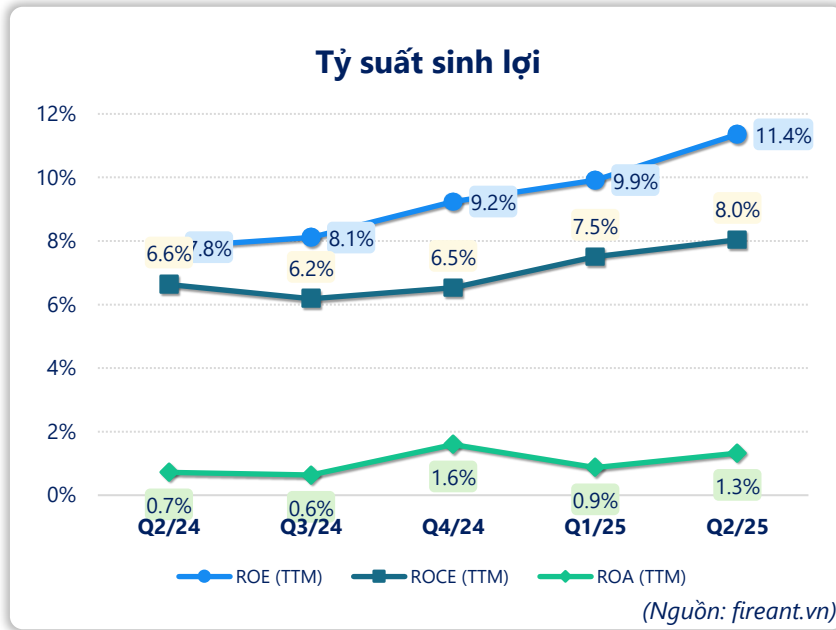
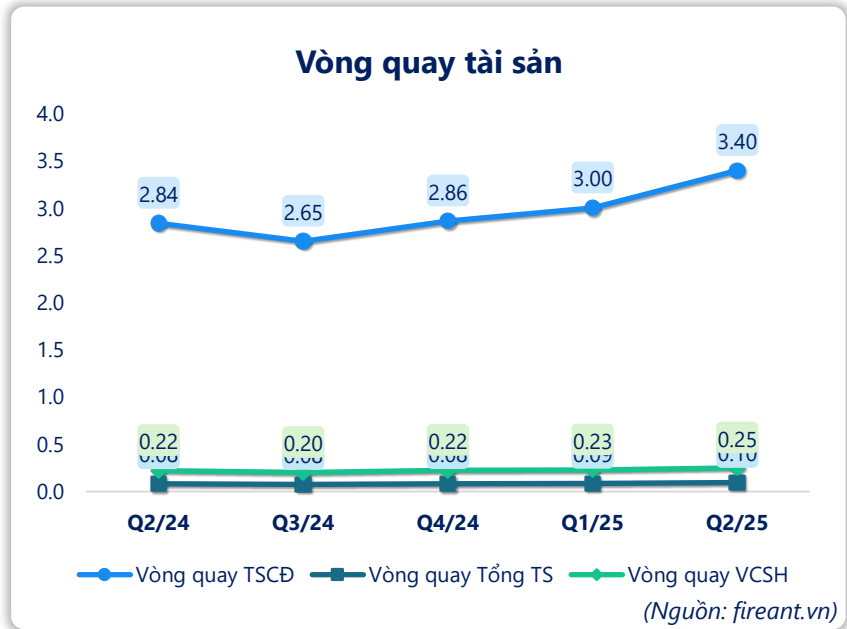
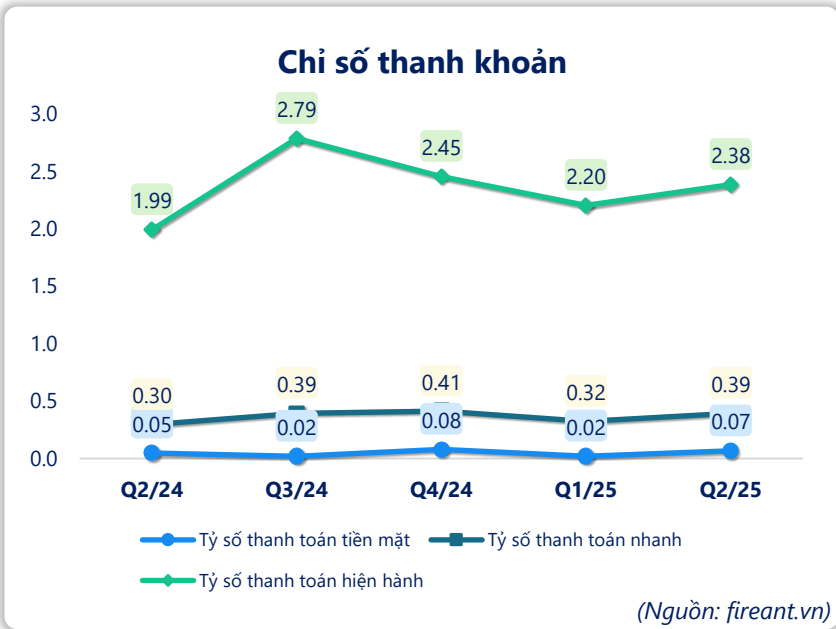
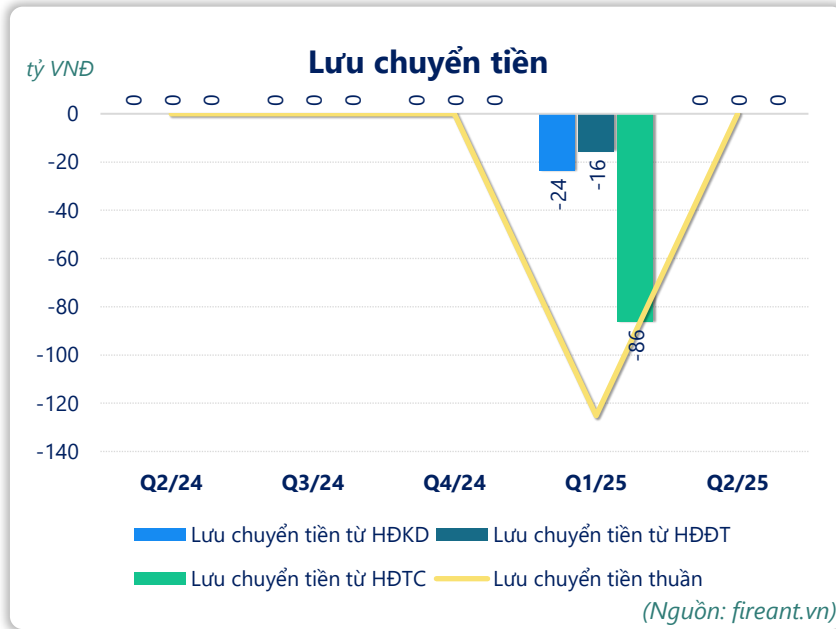


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		99,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,699
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,398
SL cổ phiếu LH		113,897,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)		538,067
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		11,276
P/E		33.1
EPS		2,989

	YTD	1T	3T	6T
SJS	253.7%	186.5%	144.4%	267.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,942	7,844	1.3%
Tài sản ngắn hạn	5,086	5,039	0.9%
Tiền và tương đương tiền	141	173	-18.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.4	18.3	126%
Phải thu ngắn hạn	632	623	1.5%
Hàng tồn kho	4,245	4,202	1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	26.0	22.6	15.4%
Tài sản dài hạn	2,857	2,805	1.8%
Phải thu dài hạn	117	117	0.0%
Tài sản cố định	217	220	-1.7%
Bất động sản đầu tư	4.11	4.43	-7.1%
Tài sản dở dang	2,439	2,384	2.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	42.3	42.6	-0.8%
Tài sản dài hạn khác	37.0	37.0	0.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,768	4,850	-1.7%
Nợ ngắn hạn	2,133	2,257	-5.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	197	-24.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	102	113	-9.6%
Nợ dài hạn	2,635	2,593	1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	634	408	55.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,175	2,994	6.0%
Vốn chủ sở hữu	3,175	2,994	6.0%
Vốn điều lệ	1,149	1,149	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	119	128	278	143	201
Giá vốn hàng bán	38.0	57.7	101	48.1	50.3
Lợi nhuận gộp	80.8	70.0	177	95.3	150
Doanh thu HĐTC	2.68	0.99	0.87	0.30	0.68
Chi phí TC	2.22	-1.47	-0.32	-0.26	0.74
Chi phí lãi vay	0.60	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.56	0.46	0.68	0.56	0.64
Chi phí QLDN	10.1	8.00	15.5	9.03	19.0
LN thuần từ HĐKD	70.5	64.0	162	86.2	131
Lợi nhuận khác	-1.30	-0.33	0.44	-0.05	-0.27
LN trước thuế	69.2	63.6	163	86.2	130
Lợi nhuận sau thuế	52.7	47.3	123	67.4	104
LNST của CĐ cty mẹ	52.3	47.1	122	67.2	104

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	-23.5	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	-15.5	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-86.1	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	173	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	-125	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	47.8	0

(Nguồn: fireant.vn)